TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 93/2026/DS-ST. Ngày: 28 - 4 - 2026. V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duy Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thuỳ Dương

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thuỷ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 và ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 267/2026/TLST-DS ngày 28 tháng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2026/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1973; nơi cư trú: D B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Phương Q, sinh năm 1999; địa chỉ: 3, đường C, Tổ C, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Hợp đồng ủy ngày 08/01/2026). Có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bạch T, sinh năm 1972; nơi cư trú: Số B đường L, Tổ D, khu phố P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Xuân Đ, sinh năm 1990: nơi cư trú: Số B, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy uỷ quyền ngày 23/02/2026). Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/01/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Phương Q trình bày:

Bà Trần Thị L và bà Nguyễn Thị Bạch T là bạn bè nên bà T ngỏ ý vay tiền của bà L để làm vốn làm ăn. Bà L đồng ý và có cho bà T vay số tiền 200.000.000 đồng như sau:

Ngày 23/09/2024, bà T vay của bà L 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), bà L chuyển khoản cho bà T thông qua số tài khoản 100000745005 - Ngân hàng V - Chủ tài khoản: Nguyễn Thị Bạch T, nội dung chuyển khoản: chuyển khoản tiền cho c T mượn 5 tháng. Thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng. Ngày 05/12/2024, bà T vay thêm 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và hẹn trong vòng 1 tháng sẽ trả lại, số tiền này bà L đưa tiền mặt. Thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng.

Hai bên không lập giấy vay tiền. Tuy nhiên có các tin nhắn xác nhận nợ thông qua Zalo và mỗi tháng bà T đều có thanh toán cho bà L gồm cả gốc và lãi như sau:

Khoản vay 100.000.000 đồng ngày 23/09/2024

- Ngày 24/10/2024, thanh toán 3,500,000đồng (trong đó: gốc 1,500,000 đồng và lãi 2,000,000 đồng).

- Ngày 24/11/2024, thanh toán 3,500,000đồng (trong đó: gốc 1,500,000 đồng và lãi 2,000,000 đồng);

- Ngày 23/01/2025, thanh toán 3,500,000đồng (trong đó: gốc 1,500,000 đồng và lãi 2,000,000 đồng);

- Ngày 27/02/2025, thanh toán 3,500,000 đồng (trong đó: gốc 1,500,000 đồng và lãi 2,000,000 đồng);

- Ngày 26/03/2025, thanh toán 3,500,000 đồng (trong đó: gốc 1,500,000 đồng và lãi 2,000,000 đồng);

- Ngày 25/04/2025, thanh toán 3,500,000 đồng (trong đó: gốc 1,500,000 đồng và lãi 2,000,000 đồng);

- Ngày 05/05/2025, thanh toán 3,500,000 đồng (trong đó: gốc 1,500,000 đồng và lãi 2,000,000 đồng);

- Ngày 26/05/2025, thanh toán 3,500,000 đồng (trong đó: gốc 1,500,000 đồng và lãi 2,000,000 đồng);

- Ngày 25/06/2025, thanh toán 3,500,000 đồng (trong đó: gốc 1,500,000 đồng và lãi 2,000,000 đồng);

- Ngày 27/07/2025, thanh toán 3,500,000 đồng (trong đó: gốc 1,500,000 đồng và lãi 2,000,000 đồng);

- Ngày 27/09/2025, thanh toán 3,500,000 đồng (trong đó: gốc 1,500,000 đồng và lãi 2,000,000 đồng);

- Ngày 04/11/2025, thanh toán 3,500,000 đồng (trong đó: gốc 1,500,000 đồng và lãi 2,000,000 đồng);

- Ngày 30/11/2025, thanh toán 3,500,000 đồng (trong đó: gốc 1,500,000 đồng và lãi 2,000,000 đồng);

- Ngày 24/12/2025, thanh toán lãi 1,000,000 đồng.

- Ngày 25/01/2026, thanh toán lãi 1,000,000 đồng.

Tổng cộng bà T thanh toán được cho bà L 19,500,000 đồng tiền nợ gốc và 28,000,000đồng tiền lãi của khoản vay ngày 23/09/2024

Đối với khoản vay 100,000,000 đồng ngày 05/12/2024, bà T thanh toán gốc và lãi như sau:

- Ngày 05/01/2025, thanh toán 4,000,000đồng (gốc 2,000,000 đồng và lãi 2,000,000 đồng)

- Ngày 06/02/2025, thanh toán 4,000,000 đồng (gốc 2,000,000 đồng và lãi 2,000,000 đồng).

- Ngày 11/03/2025 thanh toán 4,000,000đồng (gốc 2,000,000 đồng và lãi 2,000,000 đồng).

- Ngày 12/04/2025 thanh toán 4,000,000đồng (gốc 2,000,000 đồng và lãi 2,000,000 đồng).

- Ngày 16/05/2025 thanh toán 4,000,000đồng (gốc 2,000,000 đồng và lãi 2,000,000 đồng).

- Ngày 07/06/2025 thanh toán 4,000,000đồng (gốc 2,000,000 đồng và lãi 2,000,000 đồng).

- Ngày 05/07/2025 thanh toán 4,000,000đồng (gốc 2,000,000 đồng và lãi 2,000,000 đồng).

- Ngày 06/08/2025 thanh toán 4,000,000đồng (gốc 2,000,000 đồng và lãi 2,000,000 đồng).

- Ngày 08/09/2025 thanh toán 4,000,000đồng (gốc 2,000,000 đồng và lãi 2,000,000 đồng).

- Ngày 07/10/2025 thanh toán 4,000,000đồng (gốc 2,000,000 đồng và lãi 2,000,000 đồng).

- Ngày 12/11/2025 thanh toán 4,000,000đồng (gốc 2,000,000 đồng và lãi 2,000,000 đồng).

- Ngày 11/12/2025 thanh toán 4,000,000đồng (gốc 2,000,000 đồng và lãi 2,000,000 đồng).

- Ngày 11/01/2026 thanh toán lãi suất 2,000,000đồng.

Tổng cộng bà T thanh toán cho bà L được 24.000.000đồng tiền nợ gốc và 26,000,000 đồng tiền lãi của khoản vay ngày 05/12/2024

Ngày 07/01/2026, bà L có văn bản yêu cầu trả nợ gửi đến bà T yêu cầu bà T phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi chậm nhất là vào ngày 12/01/2026. Tuy nhiên, đến thời hạn nêu trên bà T vẫn không có thiện chí thanh toán.

Do thoả thuận lãi suất 2% tháng, tương đương 24%/năm nên bà L căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 để yêu cầu tính lãi suất theo định pháp luật và khấu trừ phần lãi suất vào nợ gốc của bà T.

Khoản vay 100,000,000 đồng ngày 23/09/2024 gốc và lãi suất 20%/năm như sau:

- Ngày 24/10/2024, thanh toán 3,500,000 đồng. Trong đó thanh toán nợ gốc 1,833,333 đồng và lãi suất 1,666,667 đồng.

- Ngày 24/11/2024, thanh toán 3,500,000 đồng. Trong đó thanh toán nợ gốc 1,833,333 đồng và lãi suất 1,666,667 đồng

- Ngày 23/01/2025, thanh toán 3,500,000 đồng. Trong đó thanh toán nợ gốc 1,833,333 đồng và lãi suất 1,666,667 đồng

- Ngày 27/02/2025, thanh toán 3,500,000 đồng. Trong đó thanh toán nợ gốc 1,833,333 đồng và lãi suất 1,666,667 đồng

- Ngày 26/03/2025, thanh toán 3,500,000 đồng. Trong đó thanh toán nợ gốc 1,833,333 đồng và lãi suất 1,666,667 đồng.

- Ngày 25/04/2025, thanh toán 3,500,000 đồng. Trong đó thanh toán nợ gốc 1,833,333 đồng và lãi suất 1,666,667 đồng.

- Ngày 05/05/2025, thanh toán 3,500,000 đồng. Trong đó thanh toán nợ gốc 1,833,333 đồng và lãi suất 1,666,667 đồng

- Ngày 26/05/2025, thanh toán 3,500,000 đồng. Trong đó thanh toán nợ gốc 1,833,333 đồng và lãi suất 1,666,667 đồng.

- Ngày 25/06/2025, thanh toán 3,500,000 đồng. Trong đó thanh toán nợ gốc 1,833,333 đồng và lãi suất 1,666,667 đồng

- Ngày 27/07/2025, thanh toán 3,500,000 đồng. Trong đó thanh toán nợ gốc 1,833,333 đồng và lãi suất 1,666,667 đồng

- Ngày 27/09/2025, thanh toán 3,500,000 đồng. Trong đó thanh toán nợ gốc 1,833,333 đồng và lãi suất 1,666,667 đồng.

- Ngày 04/11/2025, thanh toán 3,500,000 đồng. Trong đó thanh toán nợ gốc 1,833,333 đồng và lãi suất 1,666,667 đồng

- Ngày 30/11/2025, thanh toán 3,500,000 đồng. Trong đó thanh toán nợ gốc 1,833,333 đồng và lãi suất 1,666,667 đồng

- Ngày 24/12/2025, thanh toán lãi suất 1,000,000 đồng.

- Ngày 25/01/2026, thanh toán lãi suất 1,000,000 đồng.

Khoản vay 100,000,000 đồng ngày 05/12/2024 gốc và lãi suất 20%/năm như sau:

- Ngày 05/01/2025, thanh toán 4,000,000 đồng. Trong đó thanh toán nợ gốc 2,333,333 đồng và lãi suất 1,666,667 đồng

- Ngày 06/02/2025, thanh toán 4,000,000 đồng. Trong đó thanh toán nợ gốc 2,333,333 đồng và lãi suất 1,666,667 đồng

- Ngày 11/03/2025 thanh toán 4,000,000 đồng. Trong đó thanh toản nợ gốc 2,333,333 đồng và lãi suất 1,666,667 đồng

- Ngày 12/04/2025 thanh toán 4,000,000 đồng. Trong đó thanh toán nợ gốc 2,333,333 đồng và lãi suất 1,666,667 đồng

- Ngày 16/05/2025 thanh toán 4,000,000 đồng. Trong đó thanh toán nợ gốc 2,333,333 đồng và lãi suất 1,666,667 đồng

- Ngày 07/06/2025 thanh toán 4,000,000 đồng. Trong đó thanh toán nợ gốc 2,333,333 đồng và lãi suất 1,666,667 đồng

- Ngày 05/07/2025 thanh toán 4,000,000 đồng. Trong đó thanh toán nợ gốc 2,333,333 đồng và lãi suất 1,666,667 đồng

- Ngày 06/08/2025 thanh toán 4,000,000 đồng. Trong đó thanh toán nợ gốc 2,333,333 đồng và lãi suất 1,666,667 đồng

- Ngày 08/09/2025 thanh toán 4,000,000 đồng. Trong đó thanh toán nợ gốc 2,333,333 đồng và lãi suất 1,666,667 đồng

- Ngày 07/10/2025 thanh toán 4,000,000 đồng. Trong đó thanh toán nợ gốc 2,333,333 đồng và lãi suất 1,666,667 đồng

- Ngày 12/11/2025 thanh toán 4,000,000 đồng. Trong đó thanh toán nợ gốc 2,333,333 đồng và lãi suất 1,666,667 đồng

- Ngày 11/12/2025 thanh toán 4,000,000 đồng. Trong đó thanh toán nợ gốc 2,333,333 đồng và lãi suất 1,666,667 đồng

- Ngày 11/01/2026 thanh toán 2,000,000 đồng. Trong đó thanh toán nợ gốc 333,333 đồng và lãi suất 1,666,667 đồng.

Như vậy, bà T đã thanh toán được số tiền nợ gốc 52,166,658 đồng và thanh toán tiền lãi được 45,333,342 đồng nên còn lại nợ lại số tiền nợ gốc là 147,883,342 đồng

Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Bạch T phải trả cho bà L toàn bộ số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 147,883,342 đồng (Một trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm tám mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng).

2. Buộc bà Nguyễn Thị Bạch T thanh toán lãi suất chậm trả thời gian tạm tính từ ngày 13/01/2026 đến thời điểm dự kiến xét xử sơ thẩm 21/04/2026 là

20%/năm như sau: 147,883,342 đồng x 20%/12 x 03 tháng 09 ngày = 8,048,704 đồng

Tổng cộng: 155,882,046 đồng.

Đại diện bị đơn ông Lê Xuân Đ trình bày:

Trước đây giữa bà T và bà L có quen biết và có mượn tiền qua lại với nhau như nguyên đơn trình bày là đúng. Bà T mượn tiền của bà L để cho những người khác vay lại nhưng bà T chưa thu hồi được số tiền này. Bây giờ bà T đang làm ăn thất bại nên chưa có tiền để thanh toán cho bà L được. Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà T trả gốc và lãi thì bà T xin được trả dần 1.000.000đồng/tháng cho đến khi nào hết nợ. Ngoài ra, trong tháng 02/2026 bà T có chuyển khoản thêm cho bà L số tiền là 5.000.000đồng (năm triệu đồng), yêu cầu bà L trừ số tiền đã nhận trên của bà T.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Đại diện Viện Kiểm sát không có ý kiến cũng như kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì thêm về phần thủ tục.

Về nội dung, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu thanh toán tiền gốc và lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của vị Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị L khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch T có nơi cư trú tại phường P, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn căn cứ vào các tin nhắn xác nhận nợ thông qua ứng dụng Zalo về việc thanh toán mỗi tháng của bà T làm căn cứ xác lập giao dịch vay mượn. Đại diện bị đơn thừa nhận bà T và bà L có xác lập các giao dịch vay tiền như nguyên đơn trình bày nên có căn cứ xác định giữa bà L và bà T có giao dịch vay mượn tiền theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[4] Về số tiền gốc: Đại diện bị đơn trình bày vào tháng 02/2026 bà T có chuyển trả cho bà L thêm 5.000.000 đồng và đề nghị trừ vào số tiền gốc. Đại diện nguyên đơn thừa nhận bị đơn có thanh toán thêm 2.000.000đồng ngày 11/01/2026, trong đó: nợ gốc 333.333đồng và lãi suất 1.666.667đồng và 1.000.000đồng tiền lãi vào ngày 25/01/2026, nguyên đơn đồng ý trừ số tiền nợ gốc 333.333đồng, đồng thời trừ số tiền lãi vượt quá vào số tiền gốc cho bị đơn, xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 147.883.342 đồng.

[5] Về lãi suất, các bên thừa nhận có thỏa thuận lãi suất miệng 02%/tháng nên đây là hợp đồng vay có tính lãi, nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 20%/năm là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Xét thấy, hợp đồng vay tiền giữa các bên là hợp đồng vay không có thời hạn nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày đến hạn trả tiền theo thông báo trả tiền là ngày 13/01/2026 là phù hợp quy định pháp luật. Số tiền lãi tính từ ngày 13/01/2026 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 21/04/2026, với lãi suất 20%/năm: 147.883.342 đồng × 20%/năm × 03 tháng 08 ngày = 8.042.423đồng. Tuy nhiên, vào ngày 25/01/2026 bị đơn đã thanh toán 1.000.000 đồng tiền lãi nên cần phải trừ số tiền này vào số tiền lãi nêu trên là 8.042.423 đồng – 1.000.000 đồng = 7.042.423 đồng.

Do đó, đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị Bạch T có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị L tổng số tiền 154.925.765 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng), trong đó:

Nợ gốc: 147.883.342 đồng (Một trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm tám mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng)

Và tiền lãi tính từ ngày 13/01/2026 đến ngày 21/4/2026 là 7.042.423 đồng (Bảy triệu không trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi ba đồng).

Kể từ ngày 22/4/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Bạch T phải chịu số tiền án phí là 7.746.288đồng (Bảy triệu bảy trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm tám mươi tám đồng).

Hoàn trả bà Trần Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.906.875đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 00070234 ngày 21/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh ;
- VKSND khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: HS, Tòa.

TAND KHU VỰC 15



ZDM280426.TL.QDBA
1585

Nguyễn Thị Duy Nhân